

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

- Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL**
- Mã chứng khoán: **KDM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, tòa nhà Sunrise Building 2, Khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Website: kdmgroup.vn Email: info@kdmgroup.vn
- Điện thoại: 02466622960
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Tùng**
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL công bố thông tin Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL vào ngày 15/11/2022 tại địa chỉ: www.kdmgroup.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Tùng

Số: 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-KDM

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL (“Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty ngày 15/11/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 8/2022/TTr-HĐQT-KDM ngày 20/10/2022 đính kèm).

Điều 2. Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 9/2022/TTr-HĐQT-KDM ngày 20/10/2022 đính kèm).

Điều 3. Thông qua việc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Công ty

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT-KDM ngày 20/10/2022 đính kèm).

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX, Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT; Ban Tổng Giám đốc;
- UBKT (để giám sát);
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Đặng Công Thúc

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GCL**

Tên Doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL
Mã số doanh nghiệp : 0700324666
Địa chỉ trụ sở : Tầng 1 toà nhà Sunrise Building 2, Khu đô thị Sài Đồng, Phường
Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

I. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian họp: Bắt đầu vào lúc **09 giờ 00** phút ngày **15 tháng 11 năm 2022**.
2. Địa điểm họp: Tầng 3, tòa nhà 25T2-N05, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, phố Nguyễn Thị Thập, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.

II. Thành phần dự họp

1. Các cổ đông, đại diện ủy quyền của các cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL trong Danh sách cổ đông chốt ngày 18/10/2022 tham dự Đại hội;
2. Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ban Điều hành (“BDH”), cán bộ các phòng ban chuyên môn Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL.

PHẦN I – THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

III. Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội

1. Thành phần Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Để kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/NQ-HDQT ngày 25/10/2022, trong đó đã thông qua nội dung thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm các Ông/Bà:

- Bà Đặng Thị Minh Thúy - Trưởng ban.
- Ông Khúc Văn Quân - Thành viên.

Tuy nhiên, do ông Khúc Văn Quân có vấn đề về sức khỏe đột xuất, Đại hội đã đề xuất ông Đỗ Hoàng Thông thay thế ông Khúc Văn Quân thực hiện nhiệm vụ trong Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã được Đại hội thông qua gồm các Ông/Bà:

- Bà Đặng Thị Minh Thúy - Trưởng ban.
- Ông Đỗ Hoàng Thông - Thành viên.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành phát cho mỗi cổ đông/người được ủy quyền tham dự họp 01 Thẻ biểu quyết để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty.

Tổng số Thẻ phát ra: 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết.

2. Thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Bà Đặng Thị Minh Thúy - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 với kết quả như sau:

- Tính đến thời điểm 09 giờ 00 phút ngày 15/11/2022, số đại biểu là cổ đông sở hữu/người được ủy quyền tham dự có mặt: 6 cổ đông/người được ủy quyền, đại diện cho 3.667.100 cổ phần/phiếu biểu quyết, tương ứng với 51,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp 2020”) và theo Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty **đủ điều kiện tiến hành.**

(Theo Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông đã được công bố trước toàn thể Đại hội).

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông với kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

IV. Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu

Theo kết quả kiểm tra và đăng ký cổ đông cập nhật đến thời điểm 09h00 ngày 15/11/2022: Tổng số cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội là 6 cổ đông/người được ủy quyền, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ 51,6% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 25/10/2022 của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL, danh sách dự kiến Đoàn Chủ tọa, danh sách dự kiến Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

1. Bầu Đoàn Chủ tọa Đại hội

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 25/10/2022, trong đó đã thông qua danh sách dự kiến Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm các Ông/Bà:

- Ông Đặng Công Thức - Chủ tịch HĐQT Công ty: Chủ tọa Đại hội.
- Ông Lê Tùng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty: Thành viên.
- Ông Phan Nam Giang - Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán: Thành viên.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tọa nêu trên với kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

2. Ban Thư ký Đại hội

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 25/10/2022, trong đó đã thông qua danh sách dự kiến Ban Thư ký Đại hội gồm các Ông/Bà:

- Ông Giang Thành Trung - Thư ký Đại hội.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội nêu trên với kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

3. Ban kiểm phiếu

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 25/10/2022, trong đó đã thông qua danh sách dự kiến Ban kiểm phiếu Đại hội gồm các Ông/Bà:

- Ông Khúc Văn Quân - Trưởng ban.
- Bà Đặng Thị Minh Thúy - Thành viên.

Tuy nhiên, do ông Khúc Văn Quân có vấn đề về sức khỏe đột xuất, Đại hội đã đề xuất ông Đỗ Hoàng Thông thay thế ông Khúc Văn Quân thực hiện nhiệm vụ trong Ban Kiểm phiếu của Đại hội. Như vậy, Ban Kiểm phiếu được dự kiến gồm các ông/bà:

- Ông Đỗ Hoàng Thông - Trưởng ban.
- Bà Đặng Thị Minh Thúy - Thành viên.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua thành phần Ban kiểm phiếu nêu trên với kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

V. Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022

1. Quy chế làm việc

Ban Thư ký đọc Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 Công ty:

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội với kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

2. Chương trình họp

Ông Đặng Công Thức – Chủ tọa đọc Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022, nội dung Chương trình họp như sau:

1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021;
2. Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh;
3. Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Chương trình họp Đại hội với kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 6 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ biểu quyết là 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

PHẦN II - NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021

Ông Lê Tùng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (*Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 8/2022/TTr-HĐQT-KDM ngày 20/10/2022 đã cung cấp cho toàn thể Đại hội theo quy định*).

2. Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh

Ông Lê Tùng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình thông qua Bổ sung ngành, nghề kinh doanh (*Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 9/2022/TTr-HĐQT-KDM ngày 20/10/2022 đã cung cấp cho toàn thể Đại hội theo quy định*).

3. Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Ông Lê Tùng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (*Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT-KDM ngày 20/10/2022 đã cung cấp cho toàn thể Đại hội theo quy định*).

PHẦN III – THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

1. Thảo luận:

Sau phần trình bày Báo cáo, Tờ trình của các đại biểu, Chủ tọa điều hành Đại hội tiến hành thảo luận trong vòng 20 phút. Các cổ đông/người được ủy quyền đặt câu hỏi và đại diện Công ty trả lời:

Câu hỏi 1: (Mã cổ đông: 530) Theo báo cáo tài chính Quý 3 năm 2022, Công ty có để tại Công ty 9 tỷ tiền mặt theo Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2022. Vậy Công ty có các biện pháp bảo vệ khoản tiền đó không? Đề nghị không để quỹ tiền mặt lớn.

Trả lời: Bắt đầu từ năm 2020, Công ty đưa vào hoạt động kinh doanh thương mại thép, do đó, cần có nguồn vốn lưu động lớn. Ngoài ra, khoản 9 tỷ là khoản tiền phát sinh tại thời điểm kết thúc Quý 3 năm 2022, sau đó nguồn tiền này được sử dụng ngay vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời điểm tiếp theo. Tiền mặt tài Công ty được bảo quản và có các biện pháp bảo vệ để tránh mất mát.

Câu hỏi 2: (Mã cổ đông 530) Theo Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2022, Công ty đang cho vay gần 15 tỷ. Các khoản vay có tài sản thế chấp không?

Trả lời: Các khoản cho vay của Công ty đều có tài sản bảo đảm cho khoản vay. Khi cần sử dụng bổ sung tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty sẽ thu hồi các khoản cho vay về.

Câu hỏi 3: (Mã cổ đông 530) Theo Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2022, Công ty đang đầu tư hoặc hợp tác đầu tư với 3 công ty. Các hoạt động đầu tư đó hiện nay như thế nào, tại sao không thu về để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty?

Trả lời: Gần đây, Công ty chưa có hoạt động kinh doanh cốt lõi, trong Quý 2 năm 2022, Công ty thực hiện đầu tư tại 3 Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư GCL, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC, Công ty cổ phần dịch vụ giải trí đỉnh Ô Quý Hồ. Trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết với 3 công ty trên đều có các điều khoản để bảo toàn phần vốn đã đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại:

+ Công ty đã thu hồi khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư GCL.

+ Đối với dự án góp tiền tài trợ dự án bất động sản với Tập đoàn MCC, Hợp đồng đã có điều khoản thu hồi vốn nếu dự án không thực hiện đấu giá trước một thời điểm cụ thể.

+ Đối với dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Đỉnh Ô Quý Hồ đã đưa vào khai thác một phần. Ban lãnh đạo Công ty đã có kế hoạch thu hồi khoản đầu tư này nếu không hiệu quả.

Câu hỏi 4: (Mã cổ đông 530) Định hướng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới?

Trả lời: Thời gian tới, Công ty tập trung vào mảng kinh doanh thương mại thép. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng đang xúc tiến tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khác.

Câu hỏi 5: (Mã cổ đông 31) Theo nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã có định hướng kinh doanh trong lĩnh vực vải. Đề nghị trao đổi thêm về lĩnh vực kinh doanh này và định hướng của Ban lãnh đạo Công ty?

Trả lời: Ban lãnh đạo Công ty có một số mối quan hệ để có thể triển khai hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực vải. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty đang định hướng tìm hiểu để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực vải khi có đủ điều kiện phù hợp.

2. Biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình đã trình bày bằng phiếu biểu quyết

Chủ tọa điều khiển đại hội tiến hành biểu quyết đối với các Báo cáo và Tờ trình đã trình bày bằng phiếu biểu quyết.

Ông Đỗ Hoàng Thông - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn các cổ đông thể lệ biểu quyết theo quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội và các cổ đông đã tiến hành biểu quyết theo quy định.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

PHẦN IV – KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

Sau khi kết thúc thời gian kiểm phiếu, Ông Đỗ Hoàng Thông - Trưởng Ban kiểm phiếu thông báo tới toàn thể Đại hội kết quả biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình thông qua Phiếu biểu quyết tại Đại hội như sau:

Theo kết quả kiểm tra và đăng ký cổ đông cập nhật đến thời điểm 10h20 ngày 15/11/2022: Tổng số cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội là 7 cổ đông/người được ủy quyền, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ 51,6% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. 01 cổ đông trước đó ủy quyền tham dự đại hội nhưng sau đó lại đến tham dự đại hội nên số lượng cổ đông/người được ủy quyền tăng lên nhưng số lượng phiếu biểu quyết không thay đổi.

- Mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền tham dự họp đã được phát 01 tờ Phiếu;
- Tổng số Phiếu phát ra: 07 tờ Phiếu, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết;
- Tổng số Phiếu không thu về: 0 tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết;
- Tổng số Phiếu thu về: 07 tờ Phiếu, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết.

1. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2021

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 01 tờ Phiếu, đại diện cho 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0,08% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 06 tờ Phiếu, đại diện cho 3.664.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 06 tờ Phiếu, đại diện cho 3.664.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ của Công ty, Quy chế làm việc Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

2. Thông qua Tờ trình bổ sung ngành, nghề kinh doanh

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 01 tờ Phiếu, đại diện cho 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0,08% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 06 tờ Phiếu, đại diện cho 3.664.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 06 tờ Phiếu, đại diện cho 3.664.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ của Công ty, Quy chế làm việc Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

3. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 01 tờ Phiếu, đại diện cho 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0,08% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 06 tờ Phiếu, đại diện cho 3.664.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 06 tờ Phiếu, đại diện cho 3.664.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ của Công ty, Quy chế làm việc Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 99,92% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

PHẦN V – BẾ MAC ĐẠI HỘI

Ông Giang Thành Trung - Thư ký Đại hội trình bày Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 được biểu quyết bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết.

Theo kết quả kiểm tra và đăng ký cổ đông cập nhật đến thời điểm 11h00 ngày 15/11/2022: Tổng số cổ đông/người được uỷ quyền tham dự Đại hội là 7 cổ đông/người được uỷ quyền, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ 51,6% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết như sau:

1. Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 07 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 07 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

2. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 07 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết tán thành là 07 Thẻ, đại diện cho 3.667.100 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 Thẻ, đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội tán thành.

Biên bản này do Ban Thư ký phiên họp ghi lại đầy đủ và trung thực. Biên bản gồm 10 trang, đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua trước khi kết thúc phiên họp.

Đại hội giao cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm triển khai Nghị quyết đã được Đại hội thông qua theo đúng quy định của Pháp luật.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL kết thúc vào hồi 11 giờ 35 phút cùng ngày.

Biên bản được lập với chữ ký của Chủ tọa và Thư ký như dưới đây.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

Giang Thành Trung

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA**



Đặng Công Thúc



Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

Điều 1. Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL (“Công ty”).

Điều 2. Mục tiêu của Quy chế

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo an ninh, trật tự và hiệu quả làm việc của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thành phần tham dự

Thành phần tham dự Đại hội là các cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội (ngày 18/10/2022) có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp Đại hội.

Điều 4. Quy định về trật tự

1. Tại Đại hội, mỗi cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền hoặc người được uỷ quyền khi tới tham dự họp Đại hội phải mang theo bản gốc Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng, Thư mời họp, bản gốc Giấy uỷ quyền (nếu có), kèm theo bản photo Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của người uỷ quyền, bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất (đối với tổ chức), nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một (01) Thẻ biểu quyết (màu xanh lá) và các Phiếu biểu quyết (màu xanh dương) (trong đó có ghi mã số đại biểu tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết).
2. Giấy uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Giấy uỷ quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - (i) Đối với cổ đông cá nhân: Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì văn bản uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó (hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông) và người được uỷ quyền dự họp.
 - (ii) Đối với cổ đông tổ chức:



- Trong các trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì văn bản uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
 - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì văn bản uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- b. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba trừ trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức là người uỷ quyền theo quy định tại tiết (ii) điểm a khoản 2 Điều 4 Quy chế này.
 - c. Giấy uỷ quyền phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, có đóng dấu treo của Công ty.
3. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định, tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
 4. Cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định chung về văn hóa ứng xử nơi công cộng. Cổ đông tham dự Đại hội không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông. Ban tổ chức có quyền mời các cổ đông không tuân thủ quy định chung ra khỏi Đại hội để không làm ảnh hưởng tới chương trình nghị sự chung.
 5. Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 6. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban kiểm phiếu để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông tham dự Đại hội rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì ý kiến của cổ đông đó coi như không hợp lệ với các vấn đề được biểu quyết từ thời điểm cổ đông đó vắng mặt.

Điều 5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được uỷ quyền của cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.
2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
2. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022, chương trình họp và nội dung cuộc họp có thể được bổ sung (các) vấn đề chi tiết phát sinh theo kiến nghị của cổ đông nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Biểu quyết tại Đại hội

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và các Phiếu biểu quyết (khi có nội dung cần thông qua bằng cách bỏ phiếu tại Đại hội) có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL.
2. Trường hợp bị thất lạc Phiếu/Thẻ biểu quyết, biểu quyết nhầm hoặc điền sai thông tin biểu quyết, khi đó, cổ đông đến bàn làm thủ tục đề nghị in lại:
 - + Cổ đông phải đến đúng quầy in phiếu lần 1 để làm thủ tục in lại bộ phiếu cho các lần sau. Trong trường hợp Ban kiểm phiếu đang thực hiện công tác kiểm phiếu thì cổ đông phải đến quầy in phiếu ở ngoài Phòng kiểm phiếu để in lại phiếu. Lúc này chỉ in lại các Phiếu có nội dung mà Đại hội chưa thực hiện biểu quyết.
 - + Việc in lại Thẻ/Phiếu biểu quyết phải được lập thành biên bản với sự xác nhận của cổ đông. Nhân viên in Thẻ/Phiếu biểu quyết phải lưu biên bản và thu hồi lại bộ phiếu cũ và đóng dấu huỷ (trong trường hợp cổ đông điền sai thông tin, biểu quyết nhầm muốn in lại bộ phiếu khác).
 - + Đối với các Thẻ/Phiếu biểu quyết được in nhiều lần thì chỉ những Thẻ/Phiếu biểu quyết được in lần sau cùng mới hợp lệ (chương trình chỉ cho phép cập nhật thông tin của Thẻ/Phiếu biểu quyết sau cùng).
3. Cách biểu quyết:

- Thẻ biểu quyết
 - + Đặc điểm: Thẻ biểu quyết ghi thông tin của cổ đông/người được ủy quyền, số đăng ký/mã số cổ đông tham dự, số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội và số phiếu biểu quyết tương ứng.
 - + Mục đích: Dùng Thẻ biểu quyết để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội như: Quy chế làm việc của Đại hội, Chương trình họp, bầu Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu, Ban Thư ký, ... theo hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
 - + Cách sử dụng: Cổ đông/Người được ủy quyền của cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết khi được Chủ tọa hỏi: *Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành; Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành; Lần thứ ba: Biểu quyết không có ý kiến* về từng nội dung cụ thể. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung. Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả 03 lần biểu quyết Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết
 - + Đặc điểm: Các Phiếu biểu quyết ghi thông tin của cổ đông/người được ủy quyền, số đăng ký/mã số cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội và số phiếu biểu quyết tương ứng. Trên Phiếu biểu quyết, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ in đầy đủ những nội dung cần biểu quyết. Tương ứng với mỗi nội dung cần biểu quyết có 03 phương án biểu quyết là “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”.
 - + Mục đích: Dùng Phiếu biểu quyết để biểu quyết những nội dung cần thông qua tại Đại hội bằng cách bỏ phiếu. Ban kiểm tra tư cách cổ đông bố trí thùng phiếu tại hội trường để cổ đông bỏ phiếu biểu quyết.
 - + Cách sử dụng:
 - (i) Cổ đông/Người được ủy quyền của cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách đánh dấu “X” vào phương án lựa chọn tương ứng tại Phiếu biểu quyết khi Đoàn Chủ tọa yêu cầu cổ đông biểu quyết và bỏ phiếu đã biểu quyết vào thùng phiếu.
 - (ii) Đối với mỗi Phiếu biểu quyết bao gồm các nhóm nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện kiểm phiếu và công bố kết quả ngay sau khi cổ đông/người được ủy quyền bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu.
- Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- + Phiếu biểu quyết hợp lệ: là những phiếu do Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát hành theo mẫu, có đóng dấu treo của Công ty và được đánh dấu theo đúng quy định đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết (với mỗi nội dung được đưa ra biểu quyết, cổ đông/người được ủy quyền chỉ được lựa chọn một trong ba phương án là: Tán thành - Không tán thành - Không có ý kiến; trường hợp cổ đông/người được ủy quyền thay đổi ý kiến trước khi hoàn tất việc biểu quyết thì sẽ thực hiện đánh dấu lại và ký vào bên phải phương án lựa chọn cuối cùng của mình); ký ghi rõ họ tên của cổ đông/người được ủy quyền tham dự họp.
- + Phiếu biểu quyết không hợp lệ khi:
 - a. Phiếu không do Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát hành theo mẫu và không đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL và/hoặc;
 - b. Phiếu không có chữ ký của cổ đông/người được ủy quyền tham dự họp và/hoặc;
 - c. Phiếu biểu quyết bị rách, gach và/hoặc;
 - d. Phiếu bị ghi thêm những nội dung khác trên tất cả các nội dung đã được in sẵn trong Phiếu biểu quyết và/hoặc;
 - e. Phiếu biểu quyết có lựa chọn từ hai phương án trở lên trong cùng một nội dung và không có chữ ký vào phương án lựa chọn cuối cùng hoặc không lựa chọn phương án nào thì phần biểu quyết cho nội dung đó coi như không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua tại Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ được xác định trên từng nội dung biểu quyết và/hoặc;
 - f. Phiếu bị cổ đông sử dụng nhằm tụt tự biểu quyết cho nội dung biểu quyết (Phiếu này sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết).
- + Xử lý Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - o Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ vì lý do nêu tại mục (a), (b), (c) thì toàn bộ các nội dung biểu quyết không được tính vào kết quả kiểm phiếu.
 - o Đối với trường hợp nêu tại mục (e): các phiếu có từng nội dung không hợp lệ thì phần nội dung biểu quyết không hợp lệ không được tính vào kết quả kiểm phiếu.
- Thể lệ biểu quyết:
 - + Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - + Tỷ lệ biểu quyết trên mỗi nội dung biểu quyết được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng phiếu biểu quyết thu về hợp lệ của các cổ đông dự họp chia cho tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (tính trên số phiếu biểu quyết phát ra).
 - + Tỷ lệ phiếu biểu quyết cần thiết để thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội được áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - + Thời gian kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu: Phiếu biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội.

4. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- a. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b. Tỷ lệ phiếu biểu quyết cần thiết để thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội được áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, trong đó:
 - (i) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi;
 - (ii) Các nghị quyết đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại tiết (i) điểm b khoản 3 Điều này, khoản 3 Điều 21 của Điều lệ Công ty, khoản 2 Điều 17 và khoản 8 Điều 22 của Điều lệ Công ty.

Điều 8. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu vào phiếu đặt câu hỏi, trường hợp không có phiếu đặt câu hỏi thì đăng ký nội dung phát biểu vào giấy và chuyển cho tổ giúp việc gửi Ban Thư ký để trình Đoàn Chủ tọa.
2. Trường hợp Đoàn Chủ tọa đề nghị các cổ đông phát biểu trực tiếp, cổ đông cần phát biểu giơ tay đề nghị phát biểu và chỉ phát biểu ý kiến khi Đoàn Chủ tọa mời phát biểu.
3. Mọi cổ đông đều có quyền và được khuyến khích tham gia phát biểu ý kiến tại Đại hội. Tuy nhiên trong trường hợp có quá nhiều ý kiến phát biểu dẫn tới kéo dài thời gian Đại hội ngoài dự kiến hoặc có nhiều ý kiến trùng lặp về nội dung, Đoàn Chủ tọa có quyền lựa chọn những ý kiến phát biểu chung nhất hoặc gần nhất với chương trình nghị sự để giải đáp và từ chối trả lời các vấn đề nằm ngoài chương trình nghị sự.
4. Cổ đông khi phát biểu cần nhanh gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của Đoàn Chủ tọa

Đoàn Chủ tọa do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để điều hành Đại hội. Quyền và trách nhiệm của Đoàn Chủ tọa:

1. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo trình tự Đại hội dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
3. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
4. Trả lời/Chỉ định những người có trách nhiệm giải đáp những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
5. Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
6. Các quyền khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông/người đại diện của cổ đông đến tham dự họp trong toàn bộ thời gian diễn ra cuộc họp và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách và tính hợp pháp, hợp lệ của việc tổ chức Đại hội theo các quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 11. Trách nhiệm của Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội thông qua. Ban Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội và thông qua trước khi bế mạc.
2. Giúp việc cho Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Biên bản của Đại hội.
3. Tiếp nhận phiếu đặt câu hỏi của các cổ đông qua tổ giúp việc Đoàn Chủ tọa.
4. Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có).

Điều 12. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Phổ biến thể lệ, các nguyên tắc thực hiện biểu quyết, hướng dẫn sử dụng phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
 - b. Kiểm phiếu sau khi Đại hội biểu quyết, bầu cử;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;

- d. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử (nếu có).
 - e. Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có).
2. Nguyên tắc kiểm phiếu:
- a. Việc bỏ phiếu bầu được bắt đầu sau khi Ban kiểm phiếu thông báo đề nghị các cổ đông thực hiện bỏ phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc ngay sau khi Chủ tọa hỏi Đại hội về việc còn cổ đông nào chưa bỏ phiếu mà không có cổ đông nào có ý kiến;
 - b. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của đại diện cổ đông;
 - c. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu trong 01 phòng riêng/khu vực riêng;
 - d. Việc bỏ phiếu sau khi thùng phiếu được đưa vào phòng kiểm phiếu đều không hợp lệ;
 - e. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
 - f. Việc kiểm phiếu phải đảm bảo chính xác, minh bạch, khách quan, kịp thời và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Quy chế này, giải quyết các thắc mắc của cổ đông liên quan đến việc biểu quyết trong thẩm quyền của mình;
 - g. Khi vào phòng kiểm phiếu: để tránh gây ồn ào, mất trật tự, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin tại phòng kiểm phiếu; tất cả nhân sự có mặt tại phòng kiểm phiếu tuyệt đối không được sử dụng bất kỳ thiết bị điện tử nào (thiết bị di động, máy quay phim, ghi âm, chụp hình, smartphone,...). Ban tổ chức Đại hội được quyền bố trí các máy quay phim với nội dung quay phim được bảo mật để phục vụ việc hậu kiểm khi có yêu cầu;
 - h. Tuyệt đối không được đề nghị hay có những hành vi cản trở công tác kiểm phiếu và các hành vi không phù hợp quy định pháp luật và Quy chế này. Không được sao chụp tài liệu của Ban kiểm phiếu, Phiếu biểu quyết của cổ đông, kết quả kiểm phiếu sơ bộ, các biên bản của Ban kiểm phiếu; Không cung cấp kết quả kiểm phiếu cho bất kỳ người nào ngoài Chủ tọa Đại hội khi biên bản về kết quả kiểm Phiếu biểu quyết chưa được công bố tại Đại hội và được Đại hội thông qua;
 - i. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu và Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung họp tại Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Ban Thư ký Đại hội lập Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản, nghị quyết của Công ty.
4. Trưởng họp Chủ tọa Đại hội, Trưởng ban Thư ký từ chối ký Biên bản họp Đại hội thì Biên bản có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự

hợp ký và có đầy đủ nội dung quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ toạ Đại hội, Trưởng ban Thư ký từ chối ký biên bản họp.

5. Các bản ghi chép, biên bản, danh sách ký xác nhận của các cổ đông dự họp trực tiếp và văn bản uỷ quyền tham dự Đại hội được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua. Cổ đông, những người tham dự họp Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL. Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Công Thúc



Số: 8/2022/TTr-HĐQT-KDM

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC bao gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập: Đưa ra ý kiến ngoại trừ.
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.
4. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.
5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2021.
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	01/01/2021	31/12/2021
1	Tổng tài sản	VND	99.942.282.227	82.227.307.490
2	Doanh thu thuần	VND	13.116.699.000	21.207.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	VND	192.188.565	(51.721.766)
4	Lợi nhuận sau thuế	VND	41.936.256	(252.156.381)

Nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL được công bố trên website: <https://kdmgroup.vn/>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Công Thúc

Số: 9/2022/TTr-HĐQT-KDM

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Với mục tiêu đẩy mạnh phạm vi hoạt động, không ngừng mở rộng thị trường, phát triển vị thế và uy tín của Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL (Công ty), đồng thời góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành, nghề bổ sung	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

2. ĐHCĐ thống nhất giao Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận doanh nghiệp của Công ty tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 1 của Điều lệ Công ty với các ngành, nghề kinh doanh bổ sung sau khi được ĐHCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 chấp thuận thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đặng Công Thúc

Số: 10/2022/TTr-HĐQT-KDM

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL (Công ty), Hội đồng Quản trị Công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng Quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa chữa, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 chấp thuận thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các điều khoản như Phụ lục 1 kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Công Thức



Phụ lục 1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ
(Kèm theo Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT-KDM ngày 20/10/2022)

TT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
1	<p>Khoản 3 Điều 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện thoại: 024 666 22960 - Email: info@kdmgroup.vn - Website: kdmgroup.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Điện thoại: 024 665 98051 - Email: info@gclgroup.vn - Website: gclgroup.vn 	<p>Thay đổi số điện thoại, email, website.</p>
2	<p>Khoản 4 Điều 7: Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. 	<p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới. 	<p>Sửa cụm từ “cổ phiếu” thành “chứng nhận cổ phiếu” để thuật ngữ phù hợp với nội dung trình bày.</p>
3	<p>Khoản 2 Điều 13</p>	<p>Bổ sung Mục e: Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung phương thức gửi phiếu biểu quyết khác để đa dạng trong việc gửi và nhận phiếu biểu quyết, thuận lợi cho cổ</p>

			đồng trong việc gửi phiếu biểu quyết.
4	Khoản 5, 6 Điều 13		Thay đổi thứ tự trình bày của 2 khoản 5 và 6.
5	Khoản 1, Điều 14		Xóa câu: Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
6	Điểm f Khoản 3 Điều 14		Đánh lại thứ tự điểm là d.
7	Mục b Khoản 4 Điều 14: Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ		Bổ sung nội dung về việc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Đánh lại thứ tự điểm để đúng theo thứ tự alphabet. Bổ sung nội dung về việc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

		đồng chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	
8	Mục c Khoản 4 Điều 14	Loại bỏ Mục c Khoản 4 Điều 14	Trùng lặp nội dung với Mục b.
9	Khoản 2 Điều 21: Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.	Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.	
10	Khoản 1 Điều 22: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm các trường hợp sau: a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty; b. Định hướng phát triển Công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; f. Tổ chức lại, giải thể Công ty;	
11	Điểm c Khoản 2 Điều 27: Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám	

	với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;	đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử đại diện ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	
12	Điểm c Khoản 3 Điều 27: Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hay lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hay lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Sửa lại nội dung “Điều 149” thành “Điều 153” do Điều 149 là theo Luật doanh nghiệp 2014 được sửa tương ứng thành Điều 153 trong Luật doanh nghiệp 2020.
13	Điểm d Khoản 2 Điều 27: Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;	Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty;	Bổ sung nội dung để thể hiện đầy đủ ý nghĩa của câu.
14	Khoản 2 Điều 28: Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty	Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết	Sửa chính tả: “thành nên” thành “thường niên”

	<p>con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thành nên.</p>	<p>của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
15	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 37: Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty, thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p>	<p>Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty, thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập hiện đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p>	<p>Sửa chính tả: “kiểm toán độc” thành “kiểm toán độc lập”</p>
16	<p>Điểm c Khoản 1 Điều 38: Khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay văn bản đến Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị ra quyết định xử lý;</p>	<p>Khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị ra quyết định xử lý;</p>	<p>Sửa lại nội dung “Điều 160” thành “Điều 165” do Điều 160 là theo Luật doanh nghiệp 2014 được sửa tương ứng thành Điều 165 trong Luật doanh nghiệp 2020.</p>

17	Khoản 1 Điều 40: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Sửa lại nội dung “Điều 159” thành “Điều 164” do Điều 159 là theo Luật doanh nghiệp 2014 được sửa tương ứng thành Điều 164 trong Luật doanh nghiệp 2020.		
18	Phụ lục 1	Bổ sung thêm dòng: <table border="1" data-bbox="512 629 639 1294"> <tr> <td data-bbox="512 1128 635 1294">4641</td> <td data-bbox="512 629 635 1128">Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</td> </tr> </table>	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	Bổ sung ngành, nghề kinh doanh.
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép				



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Hà Nội, tháng 11 năm 2022

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	34
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN	35
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	35
Điều 37. Thành viên Ủy ban Kiểm toán.....	35
Điều 38. Ủy ban Kiểm toán.....	36

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	37
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	41
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 46. Năm tài chính	41
Điều 47. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	42
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	42
Điều 50. Kiểm toán	42
XVII. CON DẤU	43
Điều 51. Con dấu.....	43
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	43
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 54. Thanh lý.....	44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 56. Điều lệ công ty.....	45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC VÀ CÁC BẢN SAO CỦA ĐIỀU LỆ	45
Điều 57. Ngày hiệu lực	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội tổ chức vào ngày 15 tháng 11 năm 2022, được cập nhật ngành nghề kinh doanh, địa chỉ website, số điện thoại và một số nội dung theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL

- Tên Công ty viết tắt: TẬP ĐOÀN GCL

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 tòa nhà Sunrise Building 2 khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 665 98051

- Email: info@gclgroup.vn

- Website: gclgroup.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty được thể hiện tại Phụ lục 01 kèm theo Điều lệ này.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm cho người lao động, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày thông qua Điều lệ này là: 71.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 7.100.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm toàn bộ là cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông được quản lý theo dữ liệu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Công ty không giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài. Các cá nhân/tổ chức nước ngoài được sở hữu tối đa 100% vốn điều lệ của công ty phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn (theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ 12 % một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Tổng Giám đốc;

Theo đó, Công ty đảm bảo ít nhất 20% số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng Quản trị ban hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban Kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp này thì việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- c. Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- e. Kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Chấp thuận các giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán bao gồm:

- i. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

- ii. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - iii. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
 - iv. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp

được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc

của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, kèm theo chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội hoặc đăng trên website của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào Dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ủy ban Kiểm toán

điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng

tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này, trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác, mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hằng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo việc Hội đồng Quản trị, bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản

của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Hợp đồng, giao dịch bắt buộc phải được ĐHĐCĐ thông qua dù giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty: Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm các trường hợp sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên,

mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của của Thư ký Công ty hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.



2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ

một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 90% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên, và từ 90% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu là ba (03) người đến mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của công ty tối đa không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên

Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Cơ cấu Hội đồng Quản trị đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng Quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hay lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định tiền lương và các quyền lợi khác của người quản lý đó, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- m. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

4. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Báo cáo của Hội đồng Quản trị có thể bao gồm nội dung thẩm định của Ủy ban kiểm toán. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được

chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

b. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Trường hợp điều hành trái với quy định này gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;

c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng Quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào quý IV và trước ngày 15/12 hằng năm, trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài



chính phải được trình đề Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không Điều hành.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 37. Thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Thành viên Ban kiểm toán đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, Trưởng Ban Kiểm toán phải có chuyên môn về tài chính kế toán.
- b) Không được kiêm nhiệm các chức danh như: Tổng Giám đốc, Phó, Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
- c) Không phải là những người có liên quan của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
- d) Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty, thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập hiện đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 38. Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy Ban kiểm toán có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ủy ban Kiểm toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó.

c. Khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;

f. Kiến nghị Hội đồng Quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công ty;

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

h. Kiểm toán nội bộ: Ủy ban Kiểm toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty.

(i) Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công ty;

- (ii) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- (iii) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- (iv) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- (v) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;
- (vi) Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.

i. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, quy định Công ty và Pháp Luật.

2. Ủy ban Kiểm toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán.

4. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được thực hiện các giao dịch sau: Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và các tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng một tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán theo quy định thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ủy ban kiểm toán chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết theo các quy định của pháp luật.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC VÀ CÁC BẢN SAO CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn GCL nhất trí thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ ngày được thông qua. Điều lệ này được ban hành bởi Hội đồng Quản trị theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- b. Một (01) bản nộp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- b. Một (01) bản nộp tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- c. Ba (03) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dạng Công Thức

**Phụ lục 01 - DANH MỤC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCL**

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
0710	Khai thác quặng sắt
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
2910	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
3011	Đóng tàu và cầu kiện nổi
3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4221	Xây dựng công trình điện
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4291	Xây dựng công trình thủy
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác
4512	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại bị cấm)
4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ
4633	Bán buôn đồ uống
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan

4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
4724	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh
4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
5224	Bốc xếp hàng hóa
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt,

	đường bộ, đường biển hoặc đường không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5820	Xuất bản phần mềm
6190	Hoạt động viễn thông khác - Hoạt động của các điểm truy cập Internet. - Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Kinh doanh hàng hóa viễn thông. (Điều 13- Luật viễn thông năm 2009)
6201	Lập trình máy vi tính
6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ công nghệ thông tin (Điều 52 luật công nghệ thông tin năm 2006)
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán (Điều 15 nghị định 101/2012 NĐ-CP)
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
6810 (Chính)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Điều 10 - Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13)
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản (Điều 74 - Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13) - Môi giới bất động sản (Điều 62 - Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13)
7020	Hoạt động tư vấn quản lý
7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ

	thuật và công nghệ
7213	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7820	Cung ứng lao động tạm thời
7911	Đại lý du lịch
8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
8292	Dịch vụ đóng gói
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
8511	Giáo dục nhà trẻ
8512	Giáo dục mẫu giáo
8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú

